TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2020/DS-ST.
Ngày: 24/11/2020.
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hoàng Thị Quế.
2. Bà Vi Thị Tỵ.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nông Trường Sinh-Kiểm sát viên (KSV).

Ngày 24/11/2020, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2020/TLST-DS ngày 19/6/2020 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-DS ngày 19/10/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam *(sau đây gọi tắt là Ngân hàng)*;

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh B, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai.

Địa chỉ: Số 35 Võ Thị Sáu, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1974;
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Thôn 3 (trước đây là bản Đăk Giang 1), xã N, huyện K, tỉnh G.

Ông B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T và bà N lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và được bổ sung tại bản tự khai ngày 19/6/2020, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Thanh B trình bày:

Ngày 07/4/2008, vợ chồng ông Nguyễn Tấn T và bà Lê Thị Thanh N đã vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) Việt Nam

thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai với số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số: 486/HĐTD ngày 07/4/2008; mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi bò thịt 10 con; thời hạn cho vay là 42 tháng kể từ ngày 07/4/2008, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 07/10/2011; lãi suất cho vay trong hạn là 1,45%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa T; khoản vay này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 486/HĐTC ngày 07/4/2008, Hợp đồng bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/4/2008; tài sản bảo đảm là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AL 691921 do Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện Kbang cấp ngày 04/4/2008.

Sau khi vay vốn, ông T và bà N đã sử dụng vốn vay không hiệu quả. Đến ngày 08/4/2010, ông bà không trả nợ theo đúng nội dung đã ký kết nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông T và bà N trả nợ nhưng ông bà vẫn cố tình không trả. Vì vậy, tính đến hết ngày 01/6/2020, ông T và bà N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 68.419.167 đồng và nợ lãi quá hạn là 26.048.000 đồng *(các khoản lãi tạm tính đến ngày 01/6/2020)*. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà N phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và quá hạn phát sinh tạm tính đến ngày 01/6/2020 là 144.467.167 đồng

Tại Bảng kê tính lãi, Ngân hàng bổ sung yêu cầu ông T và bà N phải trả thêm số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn phát sinh từ ngày 02/6/2020 đến ngày 24/11/2020 (*ngày xét xử sơ thẩm*) lần lượt là 2.713.333 đồng và 1.356.667 đồng. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu ông T và bà N phải trả nợ tổng cộng là 148.537.167 đồng, gồm: Nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 71.132.500 đồng và nợ lãi quá hạn là 27.404.667 đồng *(các khoản lãi tính đến ngày 24/11/2020).*

Ngoài ra, do thỏa T của hai bên tại Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng còn yêu cầu :

Trường hợp ông T và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ Ny sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng NNN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông T và bà N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng thông qua Ngân hàng NNN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T và bà N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:

- 01 Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ-NHNo - PC ngày 27/12/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (bản sao);

- 01 Giấy ủy quyền số 175/NHNNKBGL-TH ngày 02/6/2020 (bản chính);

- 01 Giấy đề nghị vay vốn ngày 07/4/2008 của hộ gia đình ông Nguyễn Tấn T và bà Lê Thị Thanh N (bản sao);

- 01 Hợp đồng tín dụng số 486/HĐTD ngày 07/4/2008 giữa Agribank chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai với ông Nguyễn Tấn T (bản sao);

- 01 Hợp đồng thế chấp tài sản số 486 ngày 07/4/2008 giữa bên nhận thế chấp là Agribank chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai với bên thế chấp là ông Nguyễn Tấn T và đồng sở hữu bà Lê Thị Thanh N (bản sao);

- 01 Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 07/4/2008 giữa bên nhận thế chấp là Agribank chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai với bên thế chấp là ông Nguyễn Tấn T và bà Lê Thị Thanh N (bản sao);

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AL 691921 cấp ngày 04/4/2008 (bản sao);

- 01 Giấy báo nợ đến hạn ngày 01/4/2010 (bản sao):

- 02 Thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 08/4/2010 và ngày 08/10/2011 (bản sao);

- 12 Giấy cam kết trả nợ vay ngân hàng của ông Nguyễn Tấn T ngày 10/5/2010; ngày 08/9/2010; ngày 05/3/2011; ngày 10/10/2011; ngày 05/12/2011; ngày 12/4/2012; ngày 07/7/2012; ngày 07/10/2012; ngày 07/4/2013; ngày 07/9/2013; ngày 07/3/2010 và ngày 07/8/2014 (bản sao);

- 01 Biên bản làm việc v/v giải quyết nợ vay ngân hàng quá hạn ngày 27/3/2015 (bản sao);

- 05 Biên bản xác minh ngày 20/4/2016; ngày 15/5/2017; ngày 10/9/2018; ngày 20/8/2019 và ngày 14/3/2020 (bản sao);

- 01 Bảng kê tạm tính lãi (bản chính).

Đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh N:

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập ông T và bà N đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên công khai chứng cứ và hoà giải do Toà án tổ chức nhưng ông bà không chấp hành có mặt làm việc.

Do vụ án không tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải được vì ông T và bà N vắng mặt nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 06/11/2020 và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Toà án đã được tống đạt và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ nhưng ông T và bà N đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo như quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) 2015.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1974 và bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1981, có địa chỉ tại: Thôn 3, xã Nghĩa An, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; điều này được thể hiện qua Biên bản xác minh hộ khẩu, nhân khẩu do Trưởng công an xã Nghĩa An ký xác minh (bản chính).

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 157, 158, 180, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật Tố

tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 148.537.167 đồng, gồm: Nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 71.132.500 đồng và nợ lãi quá hạn là 27.404.667 đồng *(các khoản lãi tính đến ngày 24/11/2020).*

Bị đơn ông Nguyễn Tấn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh N phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Sau ngày Tòa án tuyên án, bị đơn, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục phải chịu lãi quá hạn theo quy định.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: bị đơn ông Nguyễn Tấn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh N phải chịu số tiền 5.000.000 đồng trả cho ngân hàng đã nộp tạm ứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Việc vay vốn giữa ông T, bà N với Ngân hàng được thể hiện qua Hợp đồng tín dụng số 486/HĐTD ngày 07/4/2008 là sự thỏa T tự nguyện giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Vì vậy, sau khi vay vốn, ông T và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng, buộc Ngân hàng khởi kiện đòi nợ là thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do Ngân hàng cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 486/HĐTD ngày 07/4/2008 được ký kết giữa Ngân hàng với ông T, bà N đã thể hiện rõ việc Ngân hàng cho ông T và bà N vay số tiền là 50.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi bò thịt 10 con; thời hạn cho vay là 42 tháng kể từ ngày 07/4/2008, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 07/10/2011; lãi suất cho vay trong hạn là 1,45%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa T; khoản vay này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 486/HĐTC ngày 07/4/2008, Hợp đồng bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/4/2008; tài sản bảo đảm là GCNQSDĐ số AL 691921 do UBND huyện Kbang cấp ngày 04/4/2008.

Sau khi vay vốn, ông T và bà N sử dụng vốn vay không hiệu quả, không trả được nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông bà trả nợ. Điều này thể hiện việc ông T và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của

bên vay, buộc Ngân hàng phải chuyển khoản nợ của ông bà thành nợ quá hạn và khởi kiện đòi nợ là có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà N luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình; điều này đã thể hiện rõ việc ông bà có vay nợ nên ông bà phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Từ những phân tích như trên, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông T và bà N là có căn cứ và đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ: Buộc ông T và bà N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 71.132.500 đồng và nợ lãi quá hạn là 27.404.667 đồng *(các khoản lãi tính đến ngày 24/11/2020)*, tổng cộng là 148.537.167 đồng.

Tại Hợp đồng tín dụng số 486/HĐTD ngày 07/4/2008 giữa hai bên đương sự có thỏa T về việc ông T và bà N nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ Ny sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng NNN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông bà để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của ông bà để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Xét thỏa T này của hai bên là tự nguyện và đúng pháp luật nên Ngân hàng có các quyền này khi yêu cầu thi hành án đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

Ngày 14/8/2020, TAND huyện Kbang đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 61a, tờ bản đồ số 27 thuộc GCNQSDĐ số AL 691912 của UBND huyện Kbang cấp ngày 04/4/2008 cho ông Nguyễn Tấn T. Qua thẩm định đã xác định thửa đất thế chấp đúng diện tích 336m^2 (100m^2 đất ở nông thôn và 236m^2 đất trồng cây lâu năm) tại thôn 3, xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; đúng vị trí, số tờ, số thửa so với GCNQSDĐ số AL 691912 ngày 04/4/2008 và không có tranh chấp với bên thứ ba.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm (DSST): Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên ông T, bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 7.426.858 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên ông T và bà N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng *(năm triệu đồng)*. Do Ngân hàng đã nộp toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông T và bà N phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền này.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 155, 156, 157, 158, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh N phải trả cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 486/HĐTD ngày 07/4/2008, gồm: Nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 71.132.500 đồng và nợ lãi quá hạn là 27.404.667 đồng *(các khoản lãi tính đến ngày 24/11/2020),* tổng cộng là 148.537.167 đồng *(một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng*).

Trường hợp ông T và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ Ny sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông T và bà N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 486/HĐTD ngày 07/4/2008, Hợp đồng bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/4/2008; tài sản bảo đảm là GCNQSDĐ số AL 691921 do UBND huyện Kbang cấp ngày 04/4/2008 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T và bà N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa T trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa T về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự (THADS), người phải THADS có quyền thoả T thi hành án (THA), quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo các Điều 6, 7 và 9 của LTHADS; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của LTHADS.

Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Nguyễn Tấn T và bà Lê Thị Thanh N phải chịu án phí DSST là 7.426.858 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 3.611.679 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003422 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ông Nguyễn Tấn T và bà Lê Thị Thanh N có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng *(năm triệu đồng)* chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện Kbang;
-Chi cục THADS huyện Kbang;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN-CTPT

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện Kbang;
-Chi cục THADS huyện Kbang;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên

3.050.000 đồng theo Phiếu thu ngày 21/8/2018 của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Ngân hàng đã nộp đủ chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 180, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA